

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP OÀN HÒA PHÁT
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ẨM KẾ M TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

M Ụ C L ỤC

<u>N ỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO CỦA KẾ TÍNH TOÁN VIÊN	2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 - 28

BÁO CÁO CÔNG TÁC BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát (gọi tắt là “Công ty”) trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

HÌNH THỨC QUẢN LÝ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt kỳ hoạt động và ngày lập báo cáo tài chính này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Đình Long	Chủ tịch
Ông Trần Tuấn Dũng	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	Phó chủ tịch
Ông Đoàn Gia Cường	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Ngọc Quang	Thành viên
Ông Chu Quang V	Thành viên (b nhiệm kỳ ngày 19/1/2007)
Ông Chu Quân	Thành viên (b nhiệm kỳ ngày 19/1/2007)
Ông Vũ Cảnh Sinh	Thành viên (b nhiệm kỳ ngày 19/1/2007)
Bà Võ Thị Ánh Tuyết	Thành viên (b nhiệm kỳ ngày 19/1/2007)
Ông Trần Tuấn Quang	Thành viên (b nhiệm kỳ ngày 19/1/2007)
Ông Hoàng Quang Việt	Thành viên (b nhiệm kỳ ngày 19/1/2007)
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên (b nhiệm kỳ ngày 19/1/2007)
Ông Nguyễn Nam Thái	Thành viên (m nhiệm kỳ ngày 19/3/2007)
Ông Don Di Lâm	Thành viên (b nhiệm kỳ ngày 01/05/2007)

Ban Giám đốc

Ông Trần Tuấn Dũng	Trưởng Giám đốc
Ông Chu Quang V	Phó Trưởng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc có yêu cầu như sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Áp dụng các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu nào của công bố và ghi thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiệt hại và thiếu hụt những kiểm soát nội bộ một cách hiệu quả cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhất hiện hành và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về báo cáo tài chính của Công ty dựa trên những thông tin và số liệu báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hướng dẫn Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tài chính Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về báo cáo tài chính của Công ty và thiếu hụt các biện pháp thích hợp ngăn ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Trần Tuấn Dũng
Trưởng Giám đốc

Ngày 27 tháng 02 năm 2008

S : /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO C A KI M TOÁN VIÊN

Kính g i: **H i ng Qu n tr và Ban Giám c Công ty C ph n T p oàn Hòa Phát**

Chúng tôi ã t i n hành ki m toán b ng cân i k toán t i ngày 31/12/2007 cùng v i các báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh và báo cáo l u chuy n t i n t c a Công ty C ph n T p oàn Hòa Phát (g i t t là “Công ty”) cho n m tài chính k t thúc cùng ngày. báo cáo tài chính kèm theo không nh m ph n ánh tình hình tài chính, k t qu ho t ng kinh doanh và tình hình l u chuy n t i n t theo các nguyên t c và thông l k toán c ch p nh n chung t i các n c khác ngoài Vi t Nam.

Trách nhi m c a Ban Giám c và Ki m toán viên

Nh ã trình bày trong báo cáo c a Ban Giám c t i trang 1, Ban Giám c Công ty có trách nhi m l p các báo cáo tài chính. Trách nhi m c a chúng tôi là a ra ý ki n v báo cáo tài chính này đ a trên k t qu c a cu c ki m toán.

C s c a ý ki n

Chúng tôi ã th c hi n công vi c ki m toán theo các Chu n m c Ki m toán Vi t Nam. Các Chu n m c này yêu c u chúng tôi ph i l p k ho ch và th c hi n công vi c ki m toán t c s m b o h p lý r ng các báo cáo tài chính không có các sai sót tr ng y u. Công vi c ki m toán bao g m vi c ki m tra, trên c s ch n m u, các b ng ch ng xác minh cho các s li u và các thuy t minh trên báo cáo tài chính. Chúng tôi c ng ng th i t i n hành ánh giá các nguyên t c k toán c áp đ ng và nh ng c tính quan tr ng c a Ban Giám c c ng nh ánh giá v vi c trình bày các thông tin trên báo cáo tài chính. Chúng tôi tin t ng r ng công vi c ki m toán ã cung c p nh ng c s h p lý cho ý ki n c a chúng tôi.

Ý ki n

Theo ý ki n c a chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo ã ph n ánh trung th c và h p lý, trên các khía c nh tr ng y u, tình hình tài chính c a Công ty t i ngày 31 tháng 12 n m 2007 c ng nh k t qu ho t ng kinh doanh và tình hình l u chuy n t i n t cho n m tài chính k t thúc cùng ngày, phù h p v i các Chu n m c k toán Vi t Nam, H th ng k toán Vi t Nam và các quy nh hi n hành khác v k toán t i Vi t Nam.

Chúng tôi xin l u ý:

Ban Giám c Công ty ã i u ch nh và trình bày l i s li u so sánh c a báo cáo tài chính t i ngày 31/12/2006. Các nh h ng c a vi c i u ch nh và trình bày l i này ã c trình bày chi ti t t i Thuy t minh s 5 “ i u ch nh h i t ” ph n thuy t minh báo cáo tài chính.

Nh ã trình bày t i ph n chính sách ghi nh n doanh thu t i Thuy t minh s 04 - Tóm t t các chính sách k toán ch y u. n ngày 31/12/2007, Công ty ch a nh n c các quy t nh v vi c phân chia c t c và l i nhu n c a các công ty nh n u t . Do ó, Công ty ang ghi nh n lãi t các kho n u t vào doanh thu ho t ng tài chính n m 2007 khi Công ty th c nh n lãi b ng t i n.

ng Chí D ng
Phó T ng Giám c
Ch ng ch Ki m toán viên s .0030/KTV

Ph m Nam Phong
Ki m toán viên
Ch ng ch Ki m toán viên s 0929/KTV

Thay m t và i di n cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VI T NAM

Ngày 27 tháng 02 n m 2008
Hà N i, CHXHCN Vi t Nam

BẢNG CÂN ĐỐI TOÁN

Tính ngày 31 tháng 12 năm 2007

M U B 01-DN
n v tính: VN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	31/12/2006 (trình bày lại)
A. TÀI SẢN NGANH N (100 = 110+120+130+140+150)	100		1.370.076.723.727	318.196.765.719
I. Tiền và các khoản ngắn hạn	110	6	168.060.437.591	2.880.222.781
1. Tiền	111		67.060.437.591	2.880.222.781
2. Các khoản ngắn hạn	112		101.000.000.000	-
II. Các khoản nợ tài chính ngắn hạn	120		130.000.000.000	-
1. Nợ ngắn hạn	121	7	130.000.000.000	-
III. Các khoản phí thu ngắn hạn	130		483.414.134.421	116.233.640.907
1. Phí thu khách hàng	131		204.990.250.091	107.735.490.930
2. Trả trước cho người bán	132		12.759.619.734	8.332.481.650
3. Các khoản phí thu khác	135	8	265.664.264.596	165.668.327
IV. Hàng tồn kho	140	9	542.009.083.791	189.422.218.760
1. Hàng tồn kho	141		542.133.358.241	189.422.218.760
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(124.274.450)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		46.593.067.924	9.660.683.271
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		390.845.537	2.143.856.653
2. Thu GTGT chưa khấu trừ	152	10	3.926.042.502	717.978.163
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	11	42.276.179.885	6.798.848.455
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+250+260)	200		2.108.920.098.192	391.108.760.786
I. Các khoản phí thu dài hạn	210		200.000.000.000	-
1. Phí thu dài hạn khác	218	12	200.000.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		365.926.361.010	390.322.318.871
1. Tài sản cố định hữu hình	221	13	355.892.536.617	362.399.425.268
- Nguyên giá	222		501.673.162.950	467.467.861.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(145.780.626.333)	(105.068.435.982)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	14	-	22.036.539.069
- Nguyên giá	225		-	27.597.706.769
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(5.561.167.700)
3. Tài sản cố định vô hình	227	15	5.658.598.811	5.861.135.639
- Nguyên giá	228		7.110.788.763	7.110.788.763
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.452.189.952)	(1.249.653.124)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	16	4.375.225.582	25.218.895
III. Các khoản nợ tài chính dài hạn	250		1.541.200.000.000	-
1. Nợ vào công ty con	251	17	1.151.200.000.000	-
2. Nợ vào công ty liên kết, liên doanh	252	18	190.000.000.000	-
3. Nợ dài hạn khác	258	19	200.000.000.000	-
IV. Nợ dài hạn khác	260		1.793.737.182	786.441.915
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	20	1.225.239.128	571.093.673
2. Tài sản thu nhập hoãn lại	262	21	557.153.734	215.348.242
3. Tài sản dài hạn khác	268		11.344.320	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		3.478.996.821.919	709.305.526.505

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 28 là bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tính ngày 31 tháng 12 năm 2007

M U B 01-DN
n v tính: VN

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2007	31/12/2006 (trình bày lại)
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		573.581.699.616	381.936.241.326
I. Nợ ngắn hạn	310		371.323.644.616	310.024.626.190
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	22	88.792.738.707	247.577.103.106
2. Phải trả ngắn hạn	312		119.513.053.789	56.397.503.984
3. Ngõ mua trả tiền trước	313		31.060.533.605	774.722.742
4. Thu và các khoản phải nộp Nhà nước	314	23	27.425.269.275	2.845.010.894
5. Phải trả người lao động	315		3.439.922.500	1.572.039.000
6. Chi phí phải trả	316		785.936.280	197.788.098
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	24	100.306.190.460	660.458.366
II. Nợ dài hạn	330		202.258.055.000	71.911.615.136
1. Phải trả dài hạn khác	333	12	200.000.000.000	-
2. Vay và nợ dài hạn	334	25	-	70.212.022.636
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		2.258.055.000	1.699.592.500
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		2.905.415.122.303	327.369.285.179
I. Vốn chủ sở hữu	410	26	2.900.183.529.182	327.046.823.995
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		1.320.000.000.000	300.000.000.000
2. Thặng dư tích lũy	412		1.315.000.000.000	-
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		14.929.217.000	-
4. Lợi nhuận sau thuế chia phân phối	420		250.254.312.182	27.046.823.995
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		5.231.593.121	322.461.184
1. Quỹ khen thưởng và phúc lợi	431		5.231.593.121	322.461.184
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		3.478.996.821.919	709.305.526.505

Trần Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Vân
Trưởng phòng kế toán

Ngày 27 tháng 02 năm 2008

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

M U B 02-DN
n v tính: VN

CH TIÊU	Mã số	Thuyết minh	N m 2007	N m 2006
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.319.078.325.944	1.329.747.902.812
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		24.970.078.390	11.511.940.574
- Chiết khấu thương mại	04		21.290.259.360	11.511.940.574
- Hàng bán trả lại	06		3.679.819.030	-
3. Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	27	2.294.108.247.554	1.318.235.962.238
4. Giá vốn hàng bán	11	27	1.937.109.219.485	1.193.859.197.049
5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		356.999.028.069	124.376.765.189
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	121.638.350.129	144.659.122
<i>Trong đó: Lãi thanh toán các khoản đầu vào công ty con</i>			<i>104.750.000.000</i>	<i>-</i>
7. Chi phí tài chính	22	29	10.844.155.019	41.744.090.183
8. Chi phí bán hàng	24		12.203.024.479	2.798.610.837
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		21.524.326.243	8.231.064.349
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		434.065.872.457	71.747.658.942
11. Thu nhập khác	31		5.041.241.229	976.696.288
12. Chi phí khác	32		1.128.237.838	907.477.652
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	30	3.913.003.391	69.218.636
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		437.978.875.848	71.816.877.578
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	34.137.152.158	2.620.144.709
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(341.805.492)	(215.348.242)
17. Lợi nhuận sau thuế (60 = 50-51-52)	60		404.183.529.182	69.412.081.111

Trần Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Thanh Vân
Trưởng phòng kế toán

Ngày 27 tháng 02 năm 2008

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỶ
(Theo phương pháp giá trị thực)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

M U B 03-DN
n v tính: VN

CH TIÊU	Mã số	N m 2007	N m 2006
I. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh			
1. Lưu chuyển tiền tệ thu	01	437.978.875.848	71.816.877.578
2. Chi trả cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	36.015.641.452	34.212.696.577
- Các khoản dè phòng	03	682.736.950	538.190.000
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái của các chi phí	04	(849.196.614)	565.175.106
- Lãi từ hoạt động ngoại hối	05	(117.036.482.117)	373.788.091
- Chi phí lãi vay	06	9.555.753.555	35.744.819.797
3. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động kinh doanh từ các thay đổi vốn liếng	08	366.347.329.074	143.251.547.149
- Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	09	(107.084.683.739)	(49.813.310.264)
- (Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(352.711.139.481)	19.476.116.060
- Tăng/(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thu từ hoạt động kinh doanh phải trả)	11	99.740.065.889	(31.990.096.461)
- Giảm/(Tăng) chi phí trả trước	12	1.098.865.661	(279.972.818)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(9.588.247.716)	(35.742.819.797)
- Thu từ hoạt động kinh doanh phải trả	14	(11.339.738.841)	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	6.889.431.732	17.456.767.192
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	(43.131.069.173)	(23.927.209.032)
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(49.779.186.594)	38.431.022.029
II. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động khác			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(11.911.267.509)	(5.229.186.337)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	515.151.515	454.651.904
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ khác	23	(1.267.000.000.000)	-
4. Tiền thu từ cho vay, bán lại các công cụ nợ khác	24	874.500.000.000	-
5. Tiền chi để góp vốn vào vốn khác	25	(1.541.200.000.000)	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	115.305.200.246	78.905.083
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động khác	30	(1.829.790.915.748)	(4.695.629.350)
III. Lưu chuyển tiền tệ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31	2.335.000.000.000	-
2. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn khác	33	693.077.486.315	736.222.650.661
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(870.303.683.860)	(762.862.548.797)
4. Tiền chi trả thuế tài chính	35	(11.711.746.921)	(6.681.686.868)
5. Các khoản khác	36	(101.289.873.995)	-
Lưu chuyển tiền tệ thuần từ hoạt động tài chính	40	2.044.772.181.539	(33.321.585.004)
Lưu chuyển tiền tệ thuần trong năm (20+30+40)	50	165.202.079.197	413.807.675
Tiền cuối năm	60	2.880.222.781	2.464.334.512
nhận thay đổi giá trị ngoại tệ quy đổi	61	(21.864.387)	2.080.594
Tiền cuối năm (50+60+61)	70	168.060.437.591	2.880.222.781

Trần Tuấn Dũng
Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Vân
Trưởng phòng Kế toán

Ngày 27 tháng 02 năm 2008

Các phụ lục đính kèm trang 07 - trang 28 là thành phần của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

M U B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức hoạt động

Công ty Cổ phần Thép Hoà Phát (gọi tắt là “Công ty”), tên thật là Công ty Cổ phần Thép Hoà Phát, hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hưng Yên cấp ngày 2/8/2007 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 26/10/2001). Vốn đầu tư của Công ty là 1.320 tỷ đồng, tổng số vốn là 132.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, trong đó:

	Số cổ phiếu	Số tiền đồng	Tỷ lệ vốn đầu tư
Cổ đông sáng lập	50.580.000	505.800.000.000	38,32%
Cổ đông khác	81.420.000	814.200.000.000	61,68%
	132.000.000	1.320.000.000.000	100,00%

Tất cả các Cổ đông của Công ty gồm:

- Văn phòng Công ty Cổ phần Thép Hoà Phát tại Hưng Yên;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Hoà Phát tại Hà Nội;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thép Hoà Phát tại Lào Cai;
- Văn phòng đại diện Vientiane tại CHDCND Lào; và
- Văn phòng đại diện Thép Hoà Phát tại Campuchia (đã tạm đóng hoạt động từ ngày 01/01/2008).

Tổng số nhân viên của Công ty tính ngày 31/12/2007 là 1.001 người (năm 2006: 949 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là:

- Buôn bán và xuất nhập khẩu thép, vật tư thiết bị luyện, cán thép;
- Sản xuất cán, kẹp thép, sản xuất tôn lạnh;
- Sản xuất thép không gỉ và có mangan, thép inox;
- Sản xuất, kinh doanh, lắp ráp, lắp đặt, sửa chữa, bảo hành hàng in-ox, in-ox, in-ox nhúng, in-ox dân dụng, in-ox hoà không khí;
- Sản xuất các sản phẩm cốc khí, hàng in-ox thiết bị công nghiệp, gia đình trong nhà;
- Thiết kế và xây dựng nhà xưởng, kết cấu công nghiệp và khu đô thị;
- Sản xuất kinh doanh các loại máy xây dựng và máy khai thác mỏ;
- Dịch vụ thi công, lắp đặt, vận chuyển, lắp đặt, vận chuyển (đào tạo, thiết kế thi công, chuyên giao vận chuyển).

2. C S L P BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ K K TOÁN

C s l p báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo trình bày bằng đồng Việt Nam (VN), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty đã được sang Tiếng Anh từ báo cáo tài chính phát hành tại Việt Nam bằng ngôn ngữ Tiếng Việt.

K k toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**M UB 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo***3. ÁP DỤNG CÁC CHUẨN MỐC KẾ TOÁN VIỆT NAM**

Trong năm nay, Công ty luôn tuân áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“VAS”), cụ thể như sau:

VAS 18	Các khoản dè phòng, tài sản và nợ tiềm tàng
VAS 17	Thu nhập doanh nghiệp
VAS 29	Thay đổi chính sách kế toán, kế toán tính toán và các sai sót

Trong việc trình bày báo cáo tài chính này, ngoài việc xem xét trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực kế toán nêu trên, Công ty có thể hiện áp dụng các chuẩn mực kế toán đã ban hành và có hiệu lực thì hành từ năm 2006 trở về trước. Các nội dung của các chuẩn mực này không được nêu trên báo cáo tài chính của Công ty để trình bày riêng tại Thuyết minh số 5 “Chi nhánh khác”.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu của Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

c. Kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những kế toán và ghi chép sổ sách đúng đắn, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các kế toán, ghi chép sổ sách.

u. Về công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có những ảnh hưởng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Những ảnh hưởng như vậy quy định tham gia vào việc ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên liên kết nhưng không có những ảnh hưởng trực tiếp đáng kể đến kết quả kinh doanh của Công ty.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong báo cáo tài chính theo phương pháp giá gốc.

Tiền và các khoản nợ ngắn hạn

Tiền mặt và các khoản nợ ngắn hạn bao gồm tiền mặt và tiền gửi, các khoản nợ ngắn hạn không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có kỳ hạn thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến biến động giá trị.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thị trường ghi giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, trừ các hàng tồn kho giảm giá và trừ các khoản giảm giá. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán trừ các chi phí hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Đề phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập đề phòng giảm giá hàng tồn kho khi thị trường giảm, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

M UB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản hữu hình và khấu hao

Tài sản hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp của tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh các chi phí lắp đặt và chuyển đổi.

Tài sản hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Năm 2007 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	15
Máy móc và thiết bị	10 - 15
Phong tiển văn phòng	06 - 10
Thiết bị văn phòng	04 - 08

Tài sản thuê tài chính và khấu hao

Tài sản thuê tài chính được hình thành từ giao dịch thuê tài chính, khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người thuê. Tất cả các khoản thuê khác không phải là thuê tài chính được xem là thuê thông thường.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tài sản thuê tại thời điểm, nếu giá trị này thấp hơn. Nếu phải trả bên cho thuê tăng đáng kể ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tài sản thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả ngắn hạn hoặc dài hạn dựa trên số còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ phi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản mới thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí này.

Các tài sản mới thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm dựa trên thời gian thuê.

Trong năm, Công ty đã mua lại toàn bộ tài sản thuê tài chính và kết chuyển sang tài sản hữu hình.

Tài sản vô hình và khấu hao

Tài sản vô hình là giá trị phần mềm kế toán và khoản chi phí nghiên cứu phát triển có thể quy nạp được tại Hưng Yên trong 35 năm. Thời gian khấu hao của phần mềm kế toán là 3 năm, thời gian khấu hao của quyền sở hữu trí tuệ là 35 năm theo thời hạn sở hữu quy định trong quy định của pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ và nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Chi phí xây dựng cơ bản đang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phần mềm kế toán, cho thuê, quản trị hoặc cho thuê bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Về tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng riêng biệt với các tài sản khác, bất kể khi tài sản được chuyển sang trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trích lập dự phòng

Các khoản chi phí trích lập dự phòng công cụ, dụng cụ, linh kiện lo ngại không tiêu chuẩn là tài sản hữu hình, được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm theo các quy định kế toán hiện hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**M UB 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Các khoản trừ trừ dài hạn (Tiếp theo)**

Ngoài ra, chi phí trừ trừ dài hạn còn bao gồm các khoản chi phí chia phân bổ là các chi phí sản xuất, chi phí quản lý phát sinh trong thời gian xây dựng nhà xưởng và triển khai các hoạt động kinh doanh được phân bổ vào kết quả kinh doanh của kế toán tiếp theo khi các hàng mục này đi vào hoạt động và không quá 3 năm theo quy định.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác nhận một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản lãi tín dụng và lãi do chênh lệch tỷ giá. Lãi tín dụng được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác nhận trên sổ các tài khoản tín dụng và lãi suất áp dụng.

Ngày 31/12/2007, Công ty chấp hành các quy định về việc phân chia lợi nhuận và lợi nhuận của các công ty con như sau. Do đó, Công ty đang ghi nhận lãi các khoản đầu vào doanh thu hoạt động tài chính năm 2007 khi Công ty thực hiện lãi bản gốc.

Ngoi

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại các tài khoản này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

Chi phí vay

Chi phí vay liên quan trực tiếp về việc mua, xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần mất thời gian để hoàn thành và vào sổ đăng ký kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho nên khi tài sản đó đưa vào sổ đăng ký kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư mua thì các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản d phòng

Các khoản d phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại do kết quả từ một sự kiện xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản d phòng được xác nhận trên cơ sở tính cả Ban Giám đốc các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ này tại ngày kết thúc niên kế toán.

Thu

Thu giá trị gia tăng được hạch toán theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thu giá trị gia tăng là 1% và 5% tính trên giá trị bán hàng, thuế, phí và phụ phí là 5%. Thu nhập doanh nghiệp phải chịu thuế giá trị gia tăng được ghi nhận và số thu hoãn lại.

Công ty đang hoạt động trong giai đoạn đầu tiên theo các Giấy chứng nhận ưu đãi thuế số 01/ T-UB ngày 09/1/2002 và số 35/ T-UB ngày 24/5/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Số thuế hiện tại phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thu được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế khác được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế khác được khấu trừ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

M UB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thu (Tiếp theo)

Thu thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thu thu nhập của các khoản mục tài sản hữu công trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bình quân đại số. Thu thu nhập hoãn lại phải trừ đi các khoản ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch mà thì còn tài sản thu thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn có lợi nhuận tính thu trong tương lai khi trừ các khoản chênh lệch mà thì.

Thu thu nhập hoãn lại được xác định theo thu suất để tính số áp dụng cho năm tài sản của thu hiện tại hay năm phải được thanh toán. Thu thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ những khoản thu có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thu thu nhập hoãn lại được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Việc xác định thu thu nhập của Công ty được vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo thời kỳ và việc xác định sau cùng về thu thu nhập doanh nghiệp từ thuế và các khoản trích từ thu nhập của Công ty.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Qu

Theo điều lệ của Công ty, hàng năm Công ty trích lập Quỹ phòng tài chính với mức không vượt quá 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho năm khi Quỹ phòng tài chính bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.

5. I UCH NH H IT

B ng cân i k toán	S l i u t i ngày 31/12/2006	S l i u ngày 31/12/2006 (trình bày l i)	Chênh l ch	Ghi chú
T i n	9.217.790.040	2.880.222.781	(6.337.567.259)	(1)
Hàng t n kho	186.629.407.290	189.422.218.760	2.792.811.470	(2)
Tài s n ng nh n khác	461.281.196	6.798.848.455	6.337.567.259	(1)
Nguyên giá TSC h u hình	475.860.886.891	467.467.861.250	(8.393.025.641)	(3)
Hao mòn lu k TSC h u hình	(105.934.998.069)	(105.068.435.982)	866.562.087	(3)
Nguyên giá TSC vô hình	22.000.000	7.110.788.763	7.088.788.763	(3)
Hao mòn lu k TSC vô hình	(22.000.000)	(1.249.653.124)	(1.227.653.124)	(3)
Hao mòn lu k TSC thuê tài chính	(5.516.675.700)	(5.561.167.700)	(44.492.000)	(3)
Chi phí tr tr c dài h n	127.544.795	571.093.673	443.548.878	(3)
Tài s n thu thu nh p hoãn l i	51.759.771	215.348.242	163.588.471	(4)
Ph i tr ng i bán	53.604.692.514	56.397.503.984	2.792.811.470	(2)
Thu và các kho n ph i n p Nhà n c	2.853.361.698	2.845.010.894	(8.350.804)	(4)
Các kho n ph i tr , ph i n p khác	13.552.729	660.458.366	646.905.637	(5)
D phòng tr c p m t vi c làm	-	1.699.592.500	1.699.592.500	(4)
L i nh u n sau thu ch a phân ph i	30.487.653.894	27.046.823.995	(3.440.829.899)	
Báo cáo k t qu ho t ng kinh doanh S l i u n m 2006 S l i u n m 2006		(trình bày l i)		
Chi t kh u th ng m i	10.865.034.937	11.511.940.574	646.905.637	(5)
Giá v n hàng bán	1.192.355.396.866	1.193.859.197.049	1.503.800.183	(3)
Chi phí qu n lý doanh nghi p	7.692.874.349	8.231.064.349	538.190.000	(4)
Chi phí thu TNDN hi n hành	2.628.495.513	2.620.144.709	(8.350.804)	(4)
Chi phí thu TNDN hoãn l i	(51.759.771)	(215.348.242)	(163.588.471)	(4)
L i nh u n sau thu	71.929.037.656	69.412.081.111	(2.516.956.545)	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MUB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

5. I UCH NH H IT (Tiếp theo)

(1) Phân loại tài khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn do Công ty đang theo dõi trên tài khoản tín dụng ngân hàng.

(2) Íu chnh tng giá tr hàng mua đang i trên ng i v i các lô hàng nh p kh u ch a v kho c a Công ty, ng th i t ng kho n ph i tr ng i bán v i s t i n là 2.792.811.470 ng.

(3) Íu ch nh gi m Nguyên giá tài s n c nh h u hình là các kho n chi phí hình thành quy n s d ng t ã c c p gi y ch ng nh n GSD sang kho n m c tài s n c nh vô hình. Do ó íu ch nh gi m nguyên giá tài s n c nh h u hình ng th i t ng nguyên giá tài s n c nh vô hình là 7.088.788.763 ng, gi m kh u hao l y k tài s n c nh h u hình là 1.468.293.548 ng, ng th i t ng kh u hao tài s n c nh vô hình v i giá tr t ng ng.

Công ty đang theo dõi kho n chi phí tr c ho t ng t i nhà máy cán và nhà máy thổi trên danh m c tài s n c nh h u hình. Theo quy nh, các kho n chi phí này không tiêu chu n là tài s n c nh nên c n c phân lo i sang theo dõi trên kho n m c chi phí tr tr c dài h n và phân b không quá 3 n m. Theo ó, íu ch nh gi m nguyên giá tài s n c nh h u hình 1.304.236.878 ng, gi m kh u hao l y k 953.946.423 ng, ng th i ghi t ng chi phí tr tr c dài h n ph n còn l i ch a phân b 443.548.878 ng, d n t i làm t ng l i nhu n ch a phân ph i giá tr 93.258.423 ng.

Íu ch nh t ng kh u hao l y k tài s n c nh h u hình v i giá tr 1.555.677.884 ng, t ng kh u hao l y k tài s n c nh thuê tài chính v i giá tr 44.492.000 ng và gi m kh u hao l y k tài s n c nh vô hình v i giá tr 240.640.424 ng c a m t s tài s n ch a c Công ty tính úng theo quy nh. Do ó, làm gi m l i nhu n ch a phân ph i v i giá tr là 1.359.529.460 ng.

(4) Theo quy nh c a Lu t lao ng Công ty c n ph i chi tr tr c p thôi vi c cho ng i lao ng m t n a tháng l ng v i m i n m làm vi c trong tr ng h p ng i lao ng không t i p t c làm vi c t i Công ty. Tính n ngày 31/12/2006 Công ty ch a trích s d phòng tr c p thôi vi c m b o ngu n qu d phòng nêu trên v i s t i n là 1.699.592.500 ng. Vi c trích l p d phòng tr c p thôi vi c s phát sinh chênh l ch t m th i c kh u tr v i s t i n là 163.588.471 ng. Theo ó, tài s n thu nh p doanh nghi p hoãn l i c ghi nh n t ng ng th i t ng l i nhu n ch a phân ph i m t kho n là 163.588.471 ng.

(5) Íu ch nh kho n chi t kh u th ng m i phát sinh trong tháng 12/2006 ch a c Công ty ph n ánh k p th i trong n m 2006. Nay íu ch nh t ng kho n ph i tr ph i n p khác, ng th i gi m l i nhu n ch a phân ph i v i cùng giá tr 646.905.637 ng.

6. TI N VÀ CÁC KHO N T NG NG TI N

	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Ti n m t	449.706.671	247.495.683
Ti n g i ngân hàng	66.610.730.920	2.632.727.098
Các kho n t ng ng ti n (*)	101.000.000.000	-
	168.060.437.591	2.880.222.781

Các kho n t ng ng ti n ph n ánh các kho n tín dụng ngân hàng có k h n d i 3 tháng ho c trên 3 tháng theo các íu kho n rút g c linh ho t.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

M UB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

7. CÁC KHOẢN UT TÀI CHÍNH NG NH N

	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Ut ngắn hạn	130.000.000.000	-
	130.000.000.000	-

Ut ngắn hạn phản ánh số tiền cho Công ty Khoáng sản Hòa Phát vay theo hợp đồng vay vốn bằng VND ngày 03/12/2007 và ngày 31/01/2008, lãi suất cho vay là 0,65%/tháng.

8. CÁC KHOẢN PHÍ THU KHÁC

	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Phí thu các khoản cho các công ty con vay (Xem thêm thuyết minh số 33)	262.500.000.000	-
Các khoản phí thu khác	3.164.264.596	165.668.327
	265.664.264.596	165.668.327

9. HÀNG TÍN KHO

	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Hàng mua đang đi trên đường	132.189.974.675	2.792.811.470
Nguyên liệu, vật liệu	223.229.941.779	113.942.767.123
Công cụ, dụng cụ	3.025.030	-
Thành phẩm	164.595.553.983	61.090.388.541
Hàng hoá	17.704.406.273	11.596.251.626
Hàng gửi bán	4.410.456.501	-
	542.133.358.241	189.422.218.760
D phòng giảm giá hàng tồn kho	(124.274.450)	-
Giá trị thuần có thể thực hiện của hàng tồn kho	542.009.083.791	189.422.218.760

Như trình bày tại Thuyết minh số 22, Công ty đã thực hiện mua tín kho hàng luân chuyển là phế và thép thành phẩm của Công ty thực hiện cho khoản vay ngắn hạn theo hạn mức tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thuật Việt Nam. Giá trị hàng tồn kho thực hiện tại thời điểm ngày 31/12/2006 là 133.813.585.342 VND.

10. THU GIÁ TRỊ GIA TĂNG C K H U T R

	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Thu giá trị gia tăng c k h u t r	3.926.042.502	717.978.163
	3.926.042.502	717.978.163

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

M UB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

11. TÀI SẢN NGÀNH NHẬN KHÁC

	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	1.511.281.439	461.281.196
Ký cược, ký quỹ ngành nhàn (*)	40.764.898.446	6.337.567.259
	42.276.179.885	6.798.848.455

(*) Ký cược, ký quỹ ngành nhàn thể hiện các khoản tín dụng mua LC tại các ngân hàng thanh toán cho các hợp đồng nhập khẩu mua vật tư của Công ty.

12. PHÍ THU DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Các khoản tín dụng thác ứ t	200.000.000.000	-
	200.000.000.000	-

Các khoản tín dụng thác ứ t phản ánh số tiền Công ty nhận được từ các khách hàng ứ t vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư theo các hợp đồng y thác góp vốn ứ t. Trách nhiệm, rủi ro, tổn thất công nhận sinh lợi của khoản y thác ứ t này thuộc về các khách y thác ứ t. Số tiền này tăng giảm với số tiền nhận được phản ánh trên khoản mục Phí thu dài hạn khác.

13. TÀI SẢN CỤNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phong ti vật, ti, truy n đ n	Thi t b, đ ng c qu n lý	C ng
NGUYÊN GIÁ					
S d t i 01/01/2007	86.340.523.978	366.975.817.403	12.518.481.071	1.633.038.798	467.467.861.250
Mua trong k	-	322.340.518	7.784.569.377	119.587.550	8.226.497.445
Mua l i tài s n c nh thuê tài chính	-	27.597.706.769	-	-	27.597.706.769
Do phân lo i l i	202.923.264	(230.414.170)	434.383.090	(406.892.184)	-
Thanh lý, nh ng bán	-	(45.404.168)	(1.366.717.281)	(206.781.065)	(1.618.902.514)
S d t i 31/12/2007	86.543.447.242	394.620.046.352	19.370.716.257	1.138.953.099	501.673.162.950
GIÁ TR HAO MÒN L Y K					
S d t i 01/01/2007	16.184.615.095	84.129.877.116	3.955.278.743	798.665.028	105.068.435.982
Kh u hao trong k	5.709.563.136	26.142.829.867	2.124.141.634	226.703.771	34.203.238.408
Mua l i tài s n c nh thuê tài chính	-	7.171.033.916	-	-	7.171.033.916
Do phân lo i l i	60.000.000	(61.527.271)	94.423.405	(92.896.134)	-
Thanh lý, nh ng bán	-	(15.456.625)	(501.434.760)	(145.190.588)	(662.081.973)
S d t i 31/12/2007	21.954.178.231	117.366.757.003	5.672.409.022	787.282.077	145.780.626.333
GIÁ TR CÒN L I					
T i 31/12/2007	64.589.269.011	277.253.289.349	13.698.307.235	351.671.022	355.892.536.617
T i 31/12/2006	70.155.908.883	282.845.940.287	8.563.202.328	834.373.770	362.399.425.268

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MUB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

13. TÀI SẢN NH HỮU HÌNH (Tiếp theo)

Nh trình bày tại Thuyết minh số 22 và 25, Công ty đã thực hiện mua và chi trả đầy đủ vốn chính của Nhà máy Phôi và Nhà máy Cán thép với tổng giá trị thực hiện theo hợp đồng mua là 304.454.000.000 đồng mua cho các khoản tín dụng ngân hàng.

Nguyên giá của tài sản này bao gồm các chi phí khấu hao hết nhưng vẫn còn số dư với giá trị tại ngày 31/12/2007 là 255.473.390 đồng (năm 2006: 220.047.480 đồng).

14. TÀI SẢN NH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Máy móc, thiết bị	Công
NGUYÊN GIÁ		
Số đầu 01/01/2007	27.597.706.769	27.597.706.769
Tăng trong kỳ	-	-
Mua lại tài sản thuê tài chính	(27.597.706.769)	(27.597.706.769)
Số cuối 31/12/2007	-	-
GIÁ TRỊ HAO MÒN LỖY		
Số đầu 01/01/2007	5.561.167.700	5.561.167.700
Khấu hao trong kỳ	1.609.866.216	1.609.866.216
Mua lại tài sản thuê tài chính	(7.171.033.916)	(7.171.033.916)
Số cuối 31/12/2007	-	-
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Ngày 31/12/2007	-	-
Ngày 31/12/2006	22.036.539.069	22.036.539.069

15. TÀI SẢN NH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VNĐ

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Công
NGUYÊN GIÁ			
Số đầu 01/01/2007	7.088.788.763	22.000.000	7.110.788.763
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối 31/12/2007	7.088.788.763	22.000.000	7.110.788.763
GIÁ TRỊ HAO MÒN LỖY			
Số đầu 01/01/2007	1.227.653.124	22.000.000	1.249.653.124
Tăng trong kỳ	202.536.828	-	202.536.828
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối 31/12/2007	1.430.189.952	22.000.000	1.452.189.952
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Ngày 31/12/2007	5.658.598.811	-	5.658.598.811
Ngày 31/12/2006	5.861.135.639	-	5.861.135.639

Nh trình bày tại Thuyết minh số 22 và 25, Công ty đã thực hiện quyên sử dụng đất với diện tích 63.996 m² theo giấy yêu cầu của Quy định số T00162 QSD /Q 1607-T2001 về nguyên giá và giá trị còn lại tại ngày 31/12/2007 là 5.888.788.763 đồng và 4.612.884.527 đồng mua cho các khoản tín dụng ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

M UB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DANG

	N m 2007 VN	N m 2006 VN
T i ngày 1 tháng 1	25.218.895	23.385.168.261
Tăng trong năm	4.350.006.687	-
Tăng giá trị tài sản khác	-	(23.359.949.366)
T i ngày 31 tháng 12	4.375.225.582	25.218.895

17. ĐẦU VÀO CÔNG TY CON

Trong năm, Công ty thành lập mua lại phần vốn góp, cổ phần và góp thêm vốn trở thành công ty mẹ của các công ty con, đồng thời đầu tư trở thành công đồng sáng lập của các công ty con mới thành lập. Chi tiết các công ty con như sau:

Tên Công ty con	Ngày mua (*)	Giá trị đầu ghi nhận tại Công ty t i ngày 31/12/2007 VN
Công ty TNHH Hưng Thép Hòa Phát	23/01/2007	159.500.000.000
Công ty Cổ phần N i th t Hòa Phát	25/01/2007	149.000.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Hòa Phát	02/02/2007	149.000.000.000
Công ty TNHH Thị trấn Ph i từng Hòa Phát	22/01/2007	139.500.000.000
Công ty TNHH i n l nh Hòa Phát	18/01/2007	99.500.000.000
Công ty TNHH Th i ng M i Hòa Phát	23/01/2007	29.500.000.000
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	17/08/2007	425.000.000.000
Công ty Cổ phần Thép cán t m Kinh Môn (**)	09/10/2007	200.000.000
		1.151.200.000.000

(*) Ngày trên Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh khi thực hiện thay đổi chủ sở hữu của các Công ty con hoặc ngày thành lập doanh nghiệp.

(**) Theo Quyết định của Hội đồng Quản trị số 01/Q HP-10/2007 ngày 03/10/2007, Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát thực hiện đầu tư góp vốn và trở thành công đồng sáng lập của Công ty Cổ phần Thép cán t m Kinh Môn với số vốn góp 425.000.000.000 đồng, tổng số vốn 42,5 triệu USD (phần vốn mệnh giá 10.000 USD/cổ phần, chiếm 85% vốn đầu tư của Công ty Cổ phần Thép cán t m Kinh Môn. Thời hạn hoàn thành việc góp vốn cuối cùng ngày 30/06/2008.

Thông tin chi tiết về đầu tư góp vốn vào các Công ty con của Công ty năm ngày 31/12/2007 như sau:

Tên công ty con	N i thành l p và h o t ng	T l ph n s h u và b i u quy t n m gi	H o t ng chính
Công ty TNHH Hưng thép Hòa Phát	Hà N i	99,69%	S n xu t các lo i ng thép và s n ph m thép cán.
Công ty Cổ phần N i th t Hòa Phát	Hà N i	99,33%	S n xu t hàng n i th t ph c v v n phòng, gia ình, tr ng h c b ng g và s t; buôn bán t li u s n xu t, t li u tiêu dùng (ch y u là hàng n i th t); và i lý mua, i lý bán, ký g i hàng hóa.
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Hòa Phát	Hà N i	99,33%	Xây dựng dân dụng, xây dựng công nghiệp, kinh doanh bất động sản, cho thuê nhà và văn phòng, đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**M U B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

17. ĐẦU VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

Tên công ty con	Nội thành lập và hoạt động	Tỷ lệ phần sở hữu và biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
Công ty TNHH Thị trấn Phố Hiến Hòa Phát	Hà Nội	99,64%	Chuyên kinh doanh máy xây dựng và nhà máy, máy khai thác đá phục vụ cho các công trình xây dựng và phát triển cơ sở hạ tầng, là công ty quản lý các dự án xây dựng.
Công ty TNHH In nh Hòa Phát	Hưng Yên	99,50%	Sản xuất và kinh doanh nguyên vật liệu và các sản phẩm nhựa Plastic, sản xuất, lắp ráp, sach a, bao bì hàng in, in t, in nh, in dân dng, in u hòa không khí. Sản phẩm chính của công ty mang nhãn hiệu Funiki bao gồm: bình nước nóng, in u hòa.
Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	Hà Nội	98,33%	Kinh doanh mua bán, nhập khẩu các loại thép cuộn, thép tấm, ống thép, ống thép, và sản phẩm thép liên quan.
Công ty Cổ phần Thép Hòa Phát	Hải Phòng	85%	Sản xuất sắt, thép, gang; khai thác quặng sắt; khai thác và thu gom than non.
Công ty Cổ phần Thép cán thép Kinh Môn	Hải Phòng	85%	Sản xuất sắt, thép, gang; rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại; bán buôn kim loại và quặng kim loại; vận tải hàng hóa bằng đường biển; vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; bán buôn hàng hóa.

Trong năm 2007, Công ty nắm giữ các khoản lãi từ chia năm 2007 của các công ty con. Các khoản lãi này đã được Công ty ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (Chi tiết xem thêm Thuyết minh số 28).

18. ĐẦU VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH

Thông tin chi tiết về đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết của Công ty năm ngày 31/12/2007 như sau:

Tên công ty	31/12/2007 VN	31/12/2006 VN
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát	150.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Khai khoáng Hòa Phát	-	-
	190.000.000.000	-

Trong năm 2007, Công ty không nhận được Thông báo phân chia cổ tức, lợi nhuận nào từ các công ty liên kết trên. Theo đó, không phát sinh khoản lợi nhuận nào từ các khoản đầu tư vào công ty liên kết của công ty nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

M UB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

18. ĐẦU VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT, LIÊN DOANH (Tiếp theo)

Tên công ty liên kết	Ni thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết nắm giữ	Họ tên chính
Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát (*)	Hà Nam	50%	Sản xuất và tiêu thụ clinker, xi măng; sản xuất và kinh doanh phụ liệu và các chất phụ gia xi măng; khai thác và kinh doanh vật liệu xây dựng.
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hòa Phát	Hưng Yên	40%	Khai thác và thu gom than; khai thác quặng; khai thác đá; sản xuất sắt thép.
Công ty Cổ phần Khai khoáng Hòa Phát	Kon Tum	40%	Khai thác và thu gom than; khai thác quặng; khai thác đá; sản xuất sắt thép; trồng và chăm sóc rừng.

(*) Ban giám đốc Công ty cho rằng Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát chưa đủ điều kiện ghi nhận là công ty con của Công ty do Công ty chưa có ý quyết định kiểm soát và chi phí chính sách tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi măng Hòa Phát.

19. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Tên tài sản	31/12/2007 VN	31/12/2006 VN
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư	200.000.000.000	-
	200.000.000.000	-

Theo Biên bản họp các Chủ sở hữu lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư ngày 20/10/2007, Công ty tham gia góp vốn thành lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư Việt Nam (PetroVietnam bank) với số vốn góp là 400 tỷ đồng, tổng số 400.000 cổ phần, với mệnh giá 1.000.000 đồng/cổ phần, chiếm 8% vốn điều lệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư. Nhà trình bày tài thuyết minh số 12, Công ty ảnh hưởng các tài sản kinh tế này thác vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư với số tiền là 200.000.000.000 đồng theo cách phân bổ nêu trên. Theo đó, Công ty phản ánh trên khoản mục đầu tư dài hạn khác số tiền còn lại của Công ty thác vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư là 200.000.000.000 đồng.

20. CHI PHÍ TRẢ C DÀI HẠN

	N m 2007 VN	N m 2006 VN
Tính ngày 1 tháng 1	571.093.673	2.434.977.508
Tăng	1.386.927.428	542.856.111
Phân bổ vào chi phí trong năm	732.781.973	2.406.739.946
Tính ngày 31 tháng 12	1.225.239.128	571.093.673

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MUB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

21. TÀI SẢN THỤ THU NHẬP HOÀN LỢI

	T i ngày 31/12/2006	Chuy n sang l i nhu n(l) trong n m	T i ngày 31/12/2007
	VN	VN	VN
Chi phí phát sinh và các khoản dự phòng khác	163.588.471	45.028.043	208.616.514
Lãi/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái của các chi phí	51.759.771	(137.668.747)	(85.908.976)
Lợi nhuận của các chi phí	-	434.446.196	434.446.196
	215.348.242	341.805.492	557.153.734

22. VAY VÀ NHẬN NHẬN

	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Vay ngắn hạn	75.141.803.069	227.609.833.440
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thuật Việt Nam	56.005.637.514	82.121.082.915
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Thành phố Hồ Chí Minh	5.241.769.146	53.215.586.263
Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam	13.894.396.409	5.773.164.262
Vay cá nhân và các khoản khác	-	86.500.000.000
Nợ dài hạn ngắn hạn	13.650.935.638	19.967.269.666
- Vay dài hạn ngắn hạn	13.650.935.638	14.934.504.106
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thuật Việt Nam	1.405.185.703	2.696.209.285
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Thành phố Hồ Chí Minh	12.245.749.935	12.238.294.821
- Nợ thuê tài chính ngắn hạn	-	5.032.765.560
Công ty cho thuê Tài chính-NH Công nghiệp Việt Nam	-	5.032.765.560
	88.792.738.707	247.577.103.106

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thuật Việt Nam dưới hình thức hợp đồng tín dụng với thời gian tính là 12 tháng theo Hợp đồng số 00008/HDHM/TCB-TTĐG.H.O ngày 20/8/2007. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Ngân hàng Việt Nam với số tiền tối đa là 200.000.000.000 đồng. Khoản vay bằng Ngân hàng Việt Nam chủ yếu sử dụng để trả lãi suất kỳ 6 tháng trả lãi sau của Ngân hàng có lãi suất biên là 0,22%/tháng, sau 6 tháng tích lũy lãi; khoản vay bằng USD chủ yếu sử dụng để trả lãi suất biên là 1,7%/năm, sau 6 tháng tích lũy lãi; lãi suất này có thể thanh toán lãi trên cơ sở lịch các bên cùng cam kết; lãi suất thanh toán sẽ ghi chi trên khoản vay và cam kết trả nợ cho mình rút về. Thời hạn cho vay tài sản các khoản vay trong hạn mục là 6 tháng. Lãi vay sẽ trả hàng tháng vào ngày Công ty nhận khoản vay theo các khoản vay và cam kết trả nợ. Tài sản làm bảo đảm của Công ty là giá trị dây chuyền và thiết bị của Nhà máy Cán thép, giá trị đầu tư xây dựng nhà xưởng và các công trình phát triển trên địa bàn Công ty, hàng hóa nguyên vật liệu của Nhà máy Cán (phôi và thép thành phẩm) (xem thêm Thuyết minh số 9 và số 13).

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh dưới hình thức hợp đồng tín dụng với thời gian tính là 12 tháng theo Hợp đồng số 1300-LAV-200700197 ngày 24/04/2007. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Ngân hàng Việt Nam với số tiền tối đa là 70.000.000.000 đồng. Khoản vay chủ yếu sử dụng để trả nợ theo quy định chung của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam và hàng nợ của Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh. Lãi vay sẽ trả hàng tháng vào ngày 30 hàng tháng. Tài sản làm bảo đảm của Công ty là giá trị dây chuyền và thiết bị của Nhà máy Phôi thép, giá trị Đầu tư xây dựng nhà máy luyện phôi thép (xem thêm Thuyết minh số 13).

Khoản vay ngắn hạn tín chấp Ngân hàng Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh dưới hình thức hợp đồng tín dụng hạn mục với thời gian tính là 4 tháng theo Hợp đồng số 01/07/NHNTTC. Khoản tín dụng này có thể rút bằng Ngân hàng Việt Nam với số tiền tối đa là 90.000.000.000 đồng. Khoản vay chủ yếu sử dụng để trả nợ theo thông báo lãi suất của Ngân hàng Ngoại thương Thành phố Hồ Chí Minh, lãi vay sẽ trả hàng tháng từ ngày 26 ngày cuối tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**M UB 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

22. VAY VÀ NGÂN HÀNG NHẬN (Tiếp theo)

Vay ngắn hạn cá nhân và các khoản khác theo các hợp đồng vay vốn ngắn hạn ký kết giữa Công ty và các cá nhân. Các khoản vay này không có tài sản bảo đảm và chủ lãi suất là 0,8%/tháng tùy thuộc vào thời hạn hợp đồng vay. Lãi suất này không cố định, có thể thay đổi theo biến động của lãi suất ngân hàng nhà nước Việt Nam theo thỏa thuận của hai bên. Lãi vay sẽ được trả theo phương thức thỏa thuận giữa hai bên nhưng không vượt quá 06 tháng cho một lần trả.

23. THU VÀ CÁC KHOẢN PHÍ IN P NHẬN

	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Thu giá trị gia tăng	1.942.949.531	214.403.613
Thu xuất nhập khẩu	45.396.262	10.462.572
Thu thuế nhập doanh nghiệp	25.417.558.026	2.620.144.709
Các loại thuế khác	19.365.456	-
	27.425.269.275	2.845.010.894

24. CÁC KHOẢN PHÍ TRẢ PHÍ IN P NG NH N KHÁC

	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Phí trích để chia năm 2007	57.756.950.000	-
Vay của công ty con (xem thêm Thuyết minh số 33)	40.000.000.000	-
Các khoản phí trả, phí in p khác	2.549.240.460	660.458.366
	100.306.190.460	660.458.366

25. VAY VÀ N DÀI HẠN

	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Vay dài hạn	-	63.533.041.274
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thuật Việt Nam	-	1.294.918.573
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Thành phố Hồ Chí Minh	-	12.238.122.701
Vay cá nhân và các khoản khác	-	50.000.000.000
N dài hạn	-	6.678.981.362
Công ty cho thuê Tài chính-NH Công nghiệp VN	-	6.678.981.362
	-	70.212.022.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

M UB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

25. VAY VÀ N DÀI HẠN (Tiếp theo)

Ngày 1 tháng 3 năm 2004, Công ty ký hợp đồng tín dụng trung, dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thuật Việt Nam với số tiền là 10.000.000.000 đồng, xây dựng nhà máy sản xuất phối thép nguyên liệu thép phi li. Khoản vay này sẽ trả lãi suất cố định 6 tháng một lần, bằng lãi suất huy động tích lũy 12 tháng trừ lãi sau của Ngân hàng thương mại cổ định biên 2%/năm nhưng không thấp hơn 0,85%/tháng. Lãi vay trả 01 tháng/lần vào ngày ghi ngân phiếu trên khách hàng và cam kết trả. Công ty sử dụng tài sản thế chấp là toàn bộ chi phí đầu tư của Dự án xây dựng nhà máy luyện phối thép số tiền 159.674.000.000 đồng - theo Hợp đồng thế chấp số 249 ngày 23/7/2003 (xem thêm Thuyết minh số 13).

Ngày 26 tháng 6 năm 2003, Công ty ký hợp đồng tín dụng dài hạn với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thương Long với số tiền rút vốn là 50.000.000.000 VNĐ, thi công xây lắp Nhà máy luyện phối thép và mua thiết bị máy móc nhập khẩu. Khoản vay này sẽ trả lãi suất cố định 6 tháng một lần. Lãi suất khoản vay bằng Ngân hàng Việt Nam bằng lãi suất huy động tích lũy 12 tháng của Ngân hàng thương mại cổ định biên 1,68%/năm. Lãi suất khoản vay bằng USD bằng lãi suất huy động tích lũy 12 tháng của Ngân hàng thương mại cổ định biên 2,5%/năm. Lãi vay trả 01 tháng/lần vào ngày cuối tháng. Công ty sử dụng tài sản thế chấp là toàn bộ chi phí đầu tư của Dự án xây dựng nhà máy luyện phối thép số tiền 159.674.000.000 đồng - theo Hợp đồng thế chấp số 249 ngày 23/7/2003 (xem thêm Thuyết minh số 13).

N thuê tài chính phản ánh khoản thuê tài chính gồm 16 hợp đồng với Công ty cho thuê Tài chính - Ngân hàng Công thương Việt Nam, tài sản thuê là máy móc thiết bị vật tư nguyên giá là 27.597.706.769 đồng với thời gian thuê là tháng 11 năm 2003 đến tháng 9 năm 2009, mức tiền thanh toán 5.098.400.000 đồng vào ngày 20 mỗi quý. Lãi suất cho thuê 1 tháng là 0,88%/tháng. Theo hợp đồng thuê, sau khi hết thời hạn thuê, Công ty có quyền mua lại các tài sản này với giá số tiền 13.100.000 đồng. Ngày 20/07/2007, công ty đã thanh lý các hợp đồng thuê tài chính trên.

Các khoản vay và nợ dài hạn hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Trong vòng ngắn hạn	13.650.935.638	19.967.269.666
Trong ngắn hạn	-	70.212.022.636
	13.650.935.638	90.179.292.302
Trích lập dự phòng trong vòng 12 tháng (c trình bày phần ngân hàng)	(13.650.935.638)	(19.967.269.666)
Số phải trả sau ngày 31 tháng 12	-	70.212.022.636

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

M UB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

26. VỐN CHỐI SỔ HỮU

a. Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VNĐ

	Vốn đầu tư chính	Vốn góp vào công ty	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế phân phối (trình bày lợi nhuận)	Tổng cộng
Số đầu tư 01/01/2006	300.000.000.000	-	-	(41.964.257.116)	258.035.742.884
Tăng trong năm	-	-	-	69.412.081.111	69.412.081.111
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	69.412.081.111	69.412.081.111
Giảm trong năm	-	-	-	(401.000.000)	(401.000.000)
Trích lập các quỹ	-	-	-	(401.000.000)	(401.000.000)
Số đầu tư 31/12/2006	300.000.000.000	-	-	27.046.823.995	327.046.823.995
Số đầu tư 01/01/2007	300.000.000.000	-	-	27.046.823.995	327.046.823.995
Tăng trong năm	1.020.000.000.000	1.315.000.000.000	14.929.217.000	406.855.165.182	2.756.784.382.182
Tăng vốn <1>	1.020.000.000.000	1.315.000.000.000	-	-	2.335.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	404.183.529.182	404.183.529.182
Trích quỹ <3>	-	-	14.929.217.000	-	14.929.217.000
Tăng do thu lợi nhuận chia quá <2>	-	-	-	2.671.636.000	2.671.636.000
Giảm trong năm	-	-	-	(183.647.676.995)	(183.647.676.995)
Tạm trích các quỹ <3>	-	-	-	(21.929.217.000)	(21.929.217.000)
Chia lãi năm 2006 <2>	-	-	-	(29.718.459.995)	(29.718.459.995)
Thông báo tạm ngừng năm 2007	-	-	-	(132.000.000.000)	(132.000.000.000)
Số đầu tư 31/12/2007	1.320.000.000.000	1.315.000.000.000	14.929.217.000	250.254.312.182	2.900.183.529.182

<1> Vốn đầu tư chính và vốn góp trong năm theo các Quy định như sau:

- Quy định của Hội đồng ngày 30/12/2006 và ngày 4/1/2007, về việc sửa đổi Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát phê duyệt tăng lên 1.100.000.000.000 đồng và tái cấu trúc vốn cho các công ty con. Theo kế hoạch tái cấu trúc vốn cho các công ty con, Công ty đã thực hiện mua lại phần vốn góp, chuyển các chi sở hữu trở thành công ty mẹ và các công ty con là 545.400.000.000 đồng.
- Nghị quyết của Hội đồng số 08NQHP-03/2007 ngày 2/4/2007 và Nghị quyết số 05/NQHP-06/2007 ngày 30/6/2007, Công ty thực hiện chào bán riêng lẻ cho các nhà đầu tư và chào bán ra công chúng. Công ty đã thực hiện bán 22.000.000 cổ phần, tổng số vốn góp nhận được từ các lần bán này là 1.315.000.000.000 đồng.

<2> Theo Biên bản họp ngày 3/1/2007, Hội đồng Quản trị Công ty đã quyết định phân chia lợi nhuận năm 2006 cho các thành viên góp vốn như sau: xem xét các nhu cầu làm giảm lợi nhuận chia phân phối lợi nhuận ngày 31/12/2006 là 3.440.829.899 đồng. Hội đồng Quản trị đã quyết định ưu tiên chi trả lợi nhuận còn lại năm 2006 là 769.193.899 đồng và thu hồi lợi nhuận các thành viên góp vốn là 2.671.636.000 đồng.

<3> Trong năm 2007, Công ty tạm trích Quỹ dự phòng tài chính với số tiền là 14.929.217.000 đồng.

Theo Quyết định số 01-12/QĐ-TQ ngày 28/12/2007, Ủy ban Kiểm tra quyết định bổ sung trích với số tiền là 7.000.000.000 đồng. Việc trích quỹ số này thông qua vào cuộc họp Hội đồng thường niên năm 2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

M UB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

24. VỐN CHỐI S H U (Tiếp theo)

b. Vốn chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 0503000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp ngày 2/8/2007 (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh cấp lần đầu ngày 26/10/2001), vốn chủ sở hữu của Công ty là 1.320 tỷ đồng. Các thành viên góp vốn đã góp vốn vào Công ty tính đến ngày 31/12/2007, cụ thể như sau:

	Theo Giấy chứng nhận		Vốn đã góp			
	đăng ký kinh doanh		31/12/2007		31/12/2006	
	triệu đồng	%	triệu đồng	%	triệu đồng	%
Trần Đình Long	364.000	27,58%	364.000	27,58%	170.000	56,66%
Trần Tuấn Dũng	40.000	3,03%	40.000	3,03%	40.000	13,33%
Nguyễn Ngọc Quang	30.000	2,27%	30.000	2,27%	50.000	16,67%
Nguyễn Minh Tuấn	40.000	3,03%	40.000	3,03%	20.000	6,67%
Doãn Gia Cường	30.000	2,27%	30.000	2,27%	20.000	6,67%
Chu Quang Việt	1.800	0,14%	1.800	0,14%	-	-
Các cá nhân khác	814.200	61,68%	814.200	61,68%	-	-
	1.320.000	100%	1.320.000	100%	300.000	100%

c. Các khoản nợ

Ngày 28/11/2007, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Hòa Phát đã ban hành Quyết định số 02/NQHP-11/2007 về việc giảm giá cổ phiếu năm 2007 với mức giảm là 10% trên mệnh giá, tổng số cổ phiếu thông báo giảm là 132.000.000.000 cổ phiếu. Đến ngày 31/12/2007, Công ty đã thanh toán cho các chủ sở hữu cổ phiếu là 74.243.050.000 đồng, số còn lại của thanh toán đăng ghi trên kho nợ của Phi hành pháp nhân khác với số tiền là 57.756.950.000 đồng.

d. Số dư chi phí trả trước

	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Số dư chi phí trả trước	132.000.000	30.000.000
Chi phí phát sinh	132.000.000	30.000.000

27. DOANH THU - GIÁ VỐN

	Năm 2007	Năm 2006
	VN	VN
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.319.078.325.944	1.329.747.902.812
Doanh thu bán hàng	2.319.078.325.944	1.329.747.902.812
Các khoản giảm trừ	24.970.078.390	11.511.940.574
Chiết khấu thương mại	21.290.259.360	11.511.940.574
Hàng bán trả lại	3.679.819.030	-
Doanh thu thuần từ bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.294.108.247.554	1.318.235.962.238
Giá trị hàng hóa và sản phẩm đã cung cấp	1.937.109.219.485	1.193.859.197.049
Giá trị của hàng hóa và sản phẩm đã bán	1.937.109.219.485	1.193.859.197.049

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

M UB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

28. DOANH THU HO TÍN NG TÀI CHÍNH

	N m 2007	N m 2006
	VN	VN
Lãi tín dụng, tín dụng cho vay	11.645.483.579	112.212.223
Lãi xuất cho thuê tài sản	1.000.000.000	-
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư vào công ty con (*)	104.750.000.000	-
- Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hòa Phát	25.700.000.000	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Hòa Phát	36.000.000.000	-
- Công ty Thị trường Vàng Hòa Phát	12.000.000.000	-
- Công ty TNHH Thương mại Hòa Phát	4.000.000.000	-
- Công ty TNHH Dịch vụ Hòa Phát	13.000.000.000	-
- Công ty TNHH Công nghệ Hòa Phát	14.050.000.000	-
Lãi chênh lệch giá tài sản	3.393.669.936	32.446.899
Lãi chênh lệch giá tài sản khác	849.196.614	-
	121.638.350.129	144.659.122

(*) Lợi nhuận từ các khoản đầu tư vào công ty con phản ánh số tiền Công ty nhận được từ các khoản lãi chia năm 2007 của các công ty con.

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	N m 2007	N m 2006
	VN	VN
Lãi tín dụng	9.555.753.555	35.938.291.228
Chênh lệch giá tài sản	1.137.901.464	1.933.798.600
Chi phí hoạt động tài chính khác	150.500.000	3.872.000.355
	10.844.155.019	41.744.090.183

30. LỢI NHUẬN THU NHẬP HO TÍN KHÁC

	N m 2007	N m 2006
	VN	VN
Thu nhập thanh lý tài sản	515.151.515	478.580.952
Tổn thất từ lãi suất đầu tư (*)	2.165.677.533	-
Tổn thất từ hoạt động khác	1.401.981.057	-
Khác	958.431.124	498.115.336
Thu nhập khác	5.041.241.229	976.696.288
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	956.820.541	907.345.078
Khác	171.417.297	132.574
Chi phí khác	1.128.237.838	907.477.652
Lợi nhuận thu nhập khác	3.913.003.391	69.218.636

(*) Khoản lỗ từ lãi suất của Ngân hàng Phát triển Việt Nam-Chỉ nhánh Hưng Yên cho các khoản vay dài hạn của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thuật Việt Nam và Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng Nhà máy Cán và Nhà máy Phôi. Số ghi nhận thu nhập khác là theo sổ thống kê và thanh toán từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chỉ nhánh Hưng Yên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

M UB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

31. THU THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Nhà máy Phôi VN	Nhà máy Cán VN	Cộng VN
Thu thu nhập doanh nghiệp thuần	208.784.530.117	229.194.345.731	437.978.875.848
Lợi nhuận trước thuế			
Chi phí cho thu nhập chịu thuế			
Trừ:			
Lợi nhuận của Công ty con chuyển	(49.934.325.000)	(54.815.675.000)	(104.750.000.000)
Các khoản chi phí đã tính thu nhập	(93.332.186)	(102.455.912)	(195.788.098)
Lãi chênh lệch giá cả thị trường	(404.812.026)	(444.384.588)	(849.196.614)
Cộng:			
Lợi nhuận trước thuế	2.047.155.651	2.247.276.174	4.294.431.825
Trích quỹ phòng trừ dự phòng	212.176.821	232.918.251	445.095.072
Chi phí không chịu thuế khác	246.417.465	270.506.104	516.923.569
Thu nhập chịu thuế	160.857.810.842	176.582.530.760	337.440.341.602
Thu suất (thuế suất 50%)	7,5%	12,5%	
Thu thu nhập doanh nghiệp	12.064.335.813	22.072.816.345	34.137.152.158
Thu thu nhập hoãn lại (xem thuyết minh 21)	(162.938.678)	(178.866.814)	(341.805.492)
	11.901.397.135	21.893.949.531	33.795.346.666

Công ty đang trong thời kỳ chuyển đổi đầu tư theo các Nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, 01/ T-UB ngày 09/1/2002 và số 35/ T-UB ngày 24/5/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

Theo Nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, 01/ T-UB ngày 09/01/2002, thu nhập của Nhà máy Cán của Công ty chiếm thu thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm kế tiếp ưu tiên có lãi và chiếm 50% trong 4 năm tiếp theo, thu suất thu thu nhập doanh nghiệp là 25%. Theo Nghị quyết của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên, số 35/ T-UB ngày 24/5/2006, thu nhập của Nhà máy Phôi của Công ty chiếm thu thu nhập trong 3 năm kế tiếp ưu tiên có lãi và chiếm 50% trong 7 năm tiếp theo, thu suất thu thu nhập doanh nghiệp 15% cho 12 năm.

Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi từ năm 2004. Năm 2006 là năm bắt đầu tính thuế cho Nhà máy Cán, năm 2007 là năm ưu tiên tính thuế cho Nhà máy Phôi.

Công ty hạch toán chi phí kinh doanh riêng biệt cho Nhà máy Phôi và Nhà máy Cán bằng các chính sách ưu đãi thu thu nhập doanh nghiệp cho từng nhà máy. Công ty tính thuế chịu thuế cho hoạt động của Nhà máy Phôi và Nhà máy Cán theo phương pháp tính là chi phí giá trị gia tăng, giá trị nhà xưởng, máy móc thiết bị và phần tài sản của hai nhà máy này từ ngày 31/12/2006 (Nhà máy Phôi chiếm 47,67% tài sản, Nhà máy Cán chiếm 52,33% tài sản).

32. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Cam kết góp vốn:

Đơn vị tính: VNĐ

Góp vốn	Vốn cam kết	Đã thanh toán 31/12/2007	Chưa thanh toán 31/12/2007
Công ty Cổ phần Thép cán T M Kinh Môn (*)	425.000.000.000	200.000.000	424.800.000.000
Công ty Cổ phần khai khoáng Hòa Phát-SSG	12.000.000.000	-	12.000.000.000
	437.000.000.000	200.000.000	436.800.000.000

(*) Thời hạn hoàn thành việc góp vốn cuối cùng ngày 30/06/2008.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

M UB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

32. CÁC KHOẢN CAM KẾT (Tiếp theo)

Cam kết thuê hoạt động:

	N m 2007	N m 2006
	VN	VN
Chi phí thuê hoạt động từ đầu tư vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	123.573.900	86.231.800
<p>Tính ngày 31 tháng 12, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không kỳ hạn và lịch thanh toán như sau:</p>		
	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Trong vòng ngắn hạn	123.573.900	123.573.900
Trung hạn	902.896.800	800.746.500
Sau ngắn hạn	5.621.681.400	5.847.405.600
	6.648.152.100	6.771.726.000

Các khoản thanh toán thuê hoạt động ghi nhận:

- Thuê 41.694 m² đất tại xã Giai Phẩm, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên với giá thuê 102.150.300 đồng/năm. Hợp đồng thuê đất ký với thời hạn 35 năm tính từ ngày 23/7/2003.
- Thuê 27.937 m² đất tại thị trấn Nhị Quỳ, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên với giá thuê 58.667.700 đồng/năm. Hợp đồng thuê đất ký với thời hạn 35 năm tính từ ngày 27/1/2000.
- Thuê 36.059 m² đất tại thị trấn Nhị Quỳ, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên với giá thuê 64.906.200 đồng/năm. Hợp đồng thuê đất ký với thời hạn 35 năm tính từ ngày 29/6/2000.

Công ty đang chờ các ưu đãi về thuế theo các Giấy chứng nhận ưu đãi thuế 01/ T-UB ngày 09/1/2002 và số 35/ T-UB ngày 24/5/2006 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hưng Yên.

33. NGHỊ ĐỊNH VÀ SỬ DỤNG CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	N m 2007
	VN
Doanh thu	
Công ty Quản lý khai thác KCN Phố Nghĩa	9.156.941.097
Công ty TNHH Thị trấn Phố Hùng Hoà Phát	3.277.985.690
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển Đô thị Hoà Phát	3.317.382.200
Công ty Chế tạo máy xây dựng và Khai thác mỏ Hoà Phát	986.570.669
Công ty Cổ phần Nhiệt Hoà Phát	185.616.400
Công ty TNHH Gang thép Hoà Phát	144.589.869
Công ty TNHH Thép cán nguội Hoà Phát	35.537.939
Công ty TNHH Điện Lực Hoà Phát	23.184.639

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

M UB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và cần đọc cùng với báo cáo tài chính kèm theo

33. NGHĨA VỤ VÀ SỬ DỤNG CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

	Năm 2007
	VN
Mua hàng hóa dịch vụ	
Công ty TNHH Thương Mại Hoà Phát	59.054.395.593
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoà Phát	10.910.103.813
Công ty TNHH Gang thép Hoà Phát	6.824.351.023
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hoà Phát	6.014.443.333
Công ty Cổ phần Bông á Hoà Phát	1.400.000.000
Công ty TNHH In Lạnh Hoà Phát	1.490.846.352
Công ty Chế tạo máy xây dựng và Khai thác mỏ Hoà Phát	1.785.734.536
Công ty TNHH Thiệt bị Phòng Hoà Phát	658.595.845
Công ty Quản lý khai thác KCN Phố Nối A	435.171.229
Công ty TNHH Thép cán nguội Hoà Phát	94.984.499
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Hoà Phát	124.720.099
Công ty TNHH Huy Phát	6.206.000

Sử dụng các khoản công nợ với bên liên quan:

	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Các khoản phải thu		
Công ty TNHH Thiệt bị Phòng Hoà Phát		403.535.449
Công ty Quản lý khai thác KCN Phố Nối A	1.242.505.311	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Hoà Phát	1.037.128.317	85.051.523
Công ty TNHH Gang thép Hoà Phát	61.675.368	-
Công ty TNHH In Lạnh Hoà Phát	6.360.247	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hoà Phát	132.000.000	18.312.525
Công ty Chế tạo Máy xây dựng và Khai thác mỏ Hoà Phát	50.555.506	-
Các khoản phải trả		
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hoà Phát	1.271.679.540	121.413.600
Công ty TNHH Gang thép Hoà Phát	798.450.067	128.960.366
Công ty Chế tạo Máy xây dựng và Khai thác mỏ Hoà Phát	398.469.310	-
Công ty TNHH In Lạnh Hoà Phát	328.380.150	-
Công ty TNHH Thiệt bị Phòng Hoà Phát	3.723.918.693	40.507.300
Công ty TNHH Thương mại Hoà Phát	101.624.165	-
Công ty TNHH Thép cán nguội Hoà Phát	46.556.895	-
Công ty Cổ phần Xây dựng và Phát triển đô thị Hoà Phát	46.166.400	-
	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Các khoản cho các công ty con, công ty liên kết vay		
Công ty TNHH Gang thép Hoà Phát (*)	90.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hoà Phát (*)	95.000.000.000	-
Công ty TNHH In Lạnh Hoà Phát (*)	77.500.000.000	-
Công ty Cổ phần Khoáng sản Hoà Phát	130.000.000.000	-
	392.500.000.000	-
Các khoản vay của các công ty con		
Công ty Cổ phần Thép Hoà Phát (*)	40.000.000.000	-
	40.000.000.000	-

(*) Công ty không tính lãi về các khoản vay ngắn hạn này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

M UB 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời của báo cáo tài chính kèm theo

33. NGHỊ QUYẾT VÀ SỬ DỤNG VỐN CÁC BÊN LIÊN QUAN (Tiếp theo)

Thu nhập và các khoản vay của Ban Giám đốc trong năm như sau:

	Năm 2007	Năm 2006
	VN	VN
Thu nhập Ban Giám đốc:	3.060.108.000	16.672.533.000
Lương	413.160.000	135.000.000
Lãi vay	2.646.948.000	16.537.533.000
	31/12/2007	31/12/2006
	VN	VN
Các khoản vay của Ban giám đốc		
Ông Trần Đình Long	-	50.000.000.000
Ông Trần Tuấn Dũng	-	20.000.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Quang	-	15.500.000.000
Ông Nguyễn Mạnh Tuấn	-	25.000.000.000
Ông Đoàn Gia Cường	-	25.000.000.000
Ông Chu Quang Việt	-	1.000.000.000
	-	136.500.000.000

34. SỬ DỤNG SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN KẾ TOÁN

Theo Nghị quyết số 01/NQHP-01/2008 ngày 18/01/2008, Hội đồng Cổ đông của Công ty đã phê duyệt tăng vốn điều lệ của Công ty từ 1.320.000.000.000 đồng lên 1.988.000.000.000 đồng. Phương án phát hành trong giai đoạn I là chào bán riêng lẻ 10 triệu cổ phiếu cho các thành viên mong muốn là các thành viên cũ, giai đoạn II sẽ phát hành 56,8 triệu cổ phiếu bằng cách chia cổ tức bằng cổ phiếu và chia cổ phiếu thưởng cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 40% (nguồn chia lợi nhuận đv và nguồn lợi nhuận sau thuế năm 2007). Việc phát hành cổ phiếu chỉ thực hiện sau khi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép cho tăng vốn.

Theo Quyết định số 01/QĐHP-01/2008 ngày 04/01/2008, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt tăng vốn góp vào Công ty TNHH Công nghiệp Hòa Phát từ 159.500.000.000 đồng lên 199.500.000.000 đồng, chiếm 99,75% vốn của Công ty này.

35. SỬ DỤNG SO SÁNH

Là sử dụng các kỹ thuật kế toán của Công ty Kế toán và Thuế Việt Nam (VAE). Mục tiêu của các báo cáo tài chính phân loại là phù hợp với các tiêu chuẩn kế toán này, mục tiêu chính của các báo cáo tài chính này là trình bày trung thực và khách quan.